

NGHỊ QUYẾT

**Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự,
an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Xét Tờ trình số 2624/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Ngoài các quy định tại Nghị quyết này, việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Sở Giao thông vận tải; Công an tỉnh;

c) Ban An toàn giao thông (ATGT) tỉnh; Ban ATGT các huyện, thành phố; Ban ATGT các xã, phường, thị trấn;

d) Các lực lượng trực tiếp tham gia đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trực thuộc Công an tỉnh, Sở Giao thông - Vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Chi hỗ trợ cho các đối tượng làm công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

a) Trưởng Ban ATGT cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/người/tháng; Phó Trưởng Ban ATGT cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng; Ủy viên Ban ATGT cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/tháng.

b) Trưởng Ban ATGT cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/tháng; Phó Trưởng Ban ATGT cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng; Ủy viên Ban ATGT cấp huyện: 120.000 đồng/người/tháng.

c) Trưởng Ban ATGT cấp xã: 600.000 đồng/người/tháng; Phó Trưởng Ban ATGT cấp xã: 500.000 đồng/người/tháng; Ủy viên Ban ATGT cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng.

d) Cán bộ, chiến sỹ tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (bao gồm cả lực lượng cảnh sát khác tham gia trực tiếp cho nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định tại Nghị định số 27/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ) từ 18 giờ đến 22 giờ: chi 100.000 đồng/người/ca.

đ) Hỗ trợ cho các lực lượng công an xã, lực lượng dân phòng làm nhiệm vụ điều tiết an toàn giao thông trong dịp lễ, tết: chi 150.000 đồng/người/ca.

e) Hỗ trợ cho lực lượng tình nguyện viên tham gia sơ cấp cứu cho người bị tai nạn giao thông đã thành lập tại các điểm sơ cấp cứu trên địa bàn các huyện, thành phố: chi 100.000 đồng/người/tháng.

2. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết (chỉ thăm hỏi, hỗ trợ một lần duy nhất/01 trường hợp):

a) Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ 5.000.000 đồng/người bị tử vong; 2.000.000 đồng/người bị thương nặng.

b) Trong dịp Tết Nguyên đán, “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”: chọn ra trong số những người bị tai nạn giao thông trong năm để chi thăm hỏi 2.000.000 đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình có nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.

3. Mức chi bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ban đêm (bao gồm cả lực lượng cảnh sát khác tham gia trực tiếp cho nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định tại Nghị định số 27/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ) sau 22 giờ: chi 100.000 đồng/người/ca (01 ca từ đủ 04 giờ trở lên).

4. Chi hỗ trợ lập báo cáo thống kê, theo dõi số liệu về tai nạn giao thông (báo cáo tháng, báo cáo đợt cao điểm, báo cáo đợt xuất) phục vụ công tác bảo đảm trật tự,

an toàn giao thông:

a) Cấp tỉnh: Phòng Tham mưu, Công an tỉnh; Văn phòng Ban ATGT tỉnh, chi mỗi đơn vị: 500.000 đồng/tháng.

b) Cấp huyện: Bộ phận trực tiếp thực hiện thuộc Công an, mức chi: 300.000 đồng/tháng.

5. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông (xây dựng kế hoạch, mời các ngành liên quan, thành lập đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả và đề xuất phương án xử lý):

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/cuộc, Trưởng đoàn: 150.000 đồng/buổi, Thành viên đoàn 100.000 đồng/buổi.

b) Cấp huyện: 800.000 đồng/cuộc, Trưởng đoàn: 100.000 đồng/buổi, Thành viên đoàn 70.000 đồng/buổi.

c) Cấp xã: 400.000 đồng/cuộc, Trưởng đoàn: 70.000 đồng/buổi, Thành viên đoàn 50.000 đồng/buổi.

6. Chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản.

b) Cấp huyện: 250.000 đồng/văn bản.

c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành do địa phương thực hiện.

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

3. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, Khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo